

Bản án số: **345/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 06-8-2019
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Lâm H, sinh năm 1973

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: 232/39/8 ĐVB, Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông H và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Lâm H trình bày:

Ông tự nguyện chung sống với bà Huỳnh Thị H1 từ năm 2001, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã và không có tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng đã ly thân, mỗi người sống một nơi, mạnh ai nấy sống và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy

không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với bà H1 nên ông xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà H1 có hai con chung tên Lê Thị QN, sinh ngày 21/8/2002 và Lê Lâm NP, sinh ngày 08/01/2007. Khi ly hôn, ông xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông H xác nhận không có.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Huỳnh Thị H1 không có văn bản gửi đến Tòa án nên trong hồ sơ vụ án không có ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 4 thì bà Huỳnh Thị H1 có hộ khẩu thường trú tại 252/39/8 ĐVB, Phường 10, Quận 4, không thực tế cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 8/2017 đến nay, không rõ chỗ ở hiện nay.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Ông Lê Lâm H được ly hôn với bà Huỳnh Thị H1.

+ Giao cả hai con chung tên Lê Thị QN, sinh ngày 21/8/2002 và Lê Lâm NP, sinh ngày 08/01/2007 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

+ Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông H xác nhận không có. Bà H1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 232/39/8 ĐVB, Phường 10, Quận 4 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Lê Lâm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (đơn đề ngày 19/6/2019). Bị đơn bà Huỳnh Thị H1 vắng mặt không có lý do

(vắng mặt lần thứ hai). Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Lâm H và bà Huỳnh Thị H1 chung sống với nhau từ năm 2001, đến năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 98, quyền số 1/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/8/2004) nên hôn nhân giữa ông H và bà H1 là hôn nhân hợp pháp.

Ông H xác nhận, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn và không thể tiếp tục chung sống với bà H1 nên xin ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà H1 đến Tòa để tham dự phiên hòa giải đoàn tụ nhưng bà H1 vắng mặt không có lý do. Để có cơ sở xem xét yêu cầu của ông H, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông H và bà H1 đang sinh sống. Kết quả xác minh cho thấy: “Trước đây, ông H và bà H1 sinh sống tại địa chỉ 232/39/8 ĐVB, Phường 10, Quận 4. Đến tháng 7/2018, bà H1 không còn sinh sống tại địa chỉ trên. Ông H và bà H1 có hai người con chung hiện do gia đình ông H chăm sóc, nuôi dưỡng. Thời gian sinh sống tại địa phương, vợ chồng ông H, bà H1 có xảy ra mâu thuẫn”.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông H và bà H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông H yêu cầu được ly hôn với bà H1 là có căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông H và bà H1 có hai con chung tên Lê Thị QN, sinh ngày 21/8/2002 (giấy khai sinh số 1630H, quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/9/2004) và Lê Lâm NP, sinh ngày 08/01/2007 (giấy khai sinh số 09, quyền số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/01/2007). Tại bản tự khai ngày 28/01/2019 của trẻ Lê Thị QN và bản tự khai ngày 19/6/2019 của trẻ Lê Lâm NP thì cả hai cháu đều có nguyện vọng sống với ba. Xét thấy, việc ông H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông H xác nhận không có. Bà Huỳnh Thị H1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Lâm H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Lâm H được ly hôn với bà Huỳnh Thị H1.

1.2. Về con chung: Ông Lê Lâm H và bà Huỳnh Thị H1 có hai con chung tên Lê Thị QN, sinh ngày 21/8/2002 và Lê Lâm NP, sinh ngày 08/01/2007. Giao cả hai con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên thỏa thuận tự giải quyết.

Bà H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, nhưng bà H1 không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung vợ chồng: Ông Lê Lâm H xác nhận không có. Bà Huỳnh Thị H1 vắng mặt không có lời khai tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Lâm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AG/2014/0009917 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Ông Lê Lâm H và bà Huỳnh Thị H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Kiều